

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (Sipas) tỉnh Thái Nguyên năm 2022

Ngày 25/5/2022, Ban chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021. Kết quả năm 2021, Chỉ số CCHC tỉnh Thái Nguyên xếp vị trí thứ 6/63 tỉnh, thành phố (xếp thứ nhất so với 14 tỉnh, thành phố khu vực Trung du Miền núi phía Bắc) với tổng số 89,20 điểm (tương đương với 89,20% giá trị chỉ số), tăng 3,59 điểm và tăng 6 bậc so với năm 2020, đây là năm thứ năm liên tiếp (so với năm 2016) tỉnh Thái Nguyên cải thiện thứ hạng (tăng 48 bậc); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2021 đạt 89,42% xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố và tăng 13 bậc so với năm 2020.

Để có được kết quả trên Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt, sát sao trong triển khai thực hiện CCHC. Tuy nhiên việc thực hiện của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đạt yêu cầu, một số tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 chưa được cải thiện hoặc bị mất điểm, giảm điểm. Để tiếp tục duy trì, phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cải thiện và khắc phục những tồn tại, hạn chế, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra.

- Duy trì và nâng cao kết quả những tiêu chí, tiêu chí thành phần có điểm số cao; khắc phục những tiêu chí, tiêu chí thành phần bị mất điểm hoặc có điểm số thấp. Phần đầu, năm 2022 Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh tăng cả về điểm số, thứ hạng so với năm 2021 và hai Chỉ số có điểm số đạt từ 90% giá trị trở lên.

2. Yêu cầu

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2022 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về duy trì, cải thiện, nâng cao các Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022.

- Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nội dung, lĩnh vực của Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung liên quan và chủ động, tích cực trong tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện; đề ra các giải pháp, biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả (tăng điểm số, tăng thứ hạng) các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số thuộc trách nhiệm của ngành.

- Bám sát các tiêu chí theo dõi, đánh giá của Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về CCHC.

- Phân công rõ trách nhiệm và nhiệm vụ theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả” cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương và từng cán bộ, công chức, viên chức nhằm khắc phục những tiêu chí, những nội dung mất điểm, có điểm số thấp, những hạn chế của Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đã chỉ ra.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Có Biểu phân công nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính trong thực hiện nhiệm vụ CCHC nói chung và trong việc cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính hàng năm của tỉnh nói chung.

2. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Chương trình CCHC tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 234/KH-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch của UBND tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ về sắp xếp, tổ chức bộ máy, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập....

4. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành, địa phương, tạo chuyển biến căn bản trong công tác CCHC, đặc biệt là trong việc khắc phục các tiêu chí, Chỉ số thành phần năm 2021 của tỉnh Thái Nguyên bị mất điểm hoặc có điểm số và thứ hạng thấp, những nội dung có mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân chưa cao.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác CCHC, cải cách thủ tục hành chính, việc ứng dụng công nghệ thông tin; tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể về sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích để các cá nhân, tổ chức biết và sử dụng đảm bảo hiệu quả.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung và đội ngũ trực tiếp giải quyết TTHC nói riêng đảm bảo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đặc biệt là tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân; chấn chỉnh hiện tượng tổ chức, cá nhân phải nộp “*thành phần hồ sơ ngoài quy định*”, hiện tượng “*những nhiều, tiêu cực*” trong quá trình giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương mà kết quả Chỉ số hài lòng đã chỉ ra.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát triển khai CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và kiểm tra, giám sát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

9. Bố trí đủ nguồn lực thực hiện CCHC năm 2022.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về điểm số các tiêu chí, thứ hạng Chỉ số thành phần, lĩnh vực, nội dung được giao chủ trì.

2. Giám đốc Sở Nội vụ


- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC với các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và đo lường mức độ hài lòng của tổ chức và cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để các cơ quan, đơn vị, địa phương nhìn nhận, đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công; lấy kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, bình xét thi đua - khen thưởng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.



3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC năm 2022, Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ nhiệm vụ đề ra và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo công tác CCHC theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền sâu rộng về công tác CCHC, về ý nghĩa, vai trò việc nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Thái Nguyên.

5. Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên tăng cường giám sát việc thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2022. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
 - TT. HĐND tỉnh;
 - UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên;
 - Các Ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Văn phòng HĐND tỉnh;
 - Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Báo Thái Nguyên;
 - Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
 - Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, HCC. 
- Chintk.2022. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DUY TRÌ, CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 103 /KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1.1	Đề xuất các giải pháp, sáng kiến trong công tác CCHC theo tiêu chí của Chỉ số CCHC đề ra	Tối thiểu 3 sáng kiến, giải pháp được công nhận phạm vi ảnh hưởng	Ngày 31/12/2022	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
1.2	Hoàn thành nhiệm vụ tại Kế hoạch CCHC năm 2022 và thực hiện đảm bảo hiệu quả, chất lượng	Hoàn thành 100% Kế hoạch	Ngày 31/12/2022	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC	100% số vấn đề qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Ngày 31/12/2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được kiểm tra năm 2022	Sở Nội vụ
1.4	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao	Ngày 31/12/2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh
II. XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI TỈNH					
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật				
2.1.1	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền	Trong năm 2022	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
2.1.2	Xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát	Đạt 100% số văn bản đã được xử lý/kiến nghị xử lý	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp
2.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	Đạt 100% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp
2.3	Tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi và hợp lý trong quá trình thi hành pháp luật tại địa phương	Nâng cao điểm số qua đánh giá của các đối tượng điều tra xã hội học	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp
III. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
3.1	Công bố công khai TTHC				
3.1.1	Công khai đầy đủ, đúng quy định toàn	100% TTHC thuộc	Thường xuyên	Trung tâm Thông	Các sở, ban, ngành,

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	bộ TTHC 3 cấp chính quyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	thẩm quyền của 3 cấp chính quyền được công khai trên Cổng thông tin điện tử		tin, Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.1.2	Công khai đầy đủ, đúng quy định toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Công khai 100% tiến độ, kết quả giải quyết TTHC thuộc 3 cấp chính quyền trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
3.1.4	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được công khai tại nơi giải quyết TTHC theo quy định	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.5	Công bố đầy đủ quy trình nội bộ giải quyết TTHC	100% quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được phê duyệt, công khai theo quy định	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.6	Công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	100% TTHC, danh mục TTHC được công bố đúng quy định	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh
3.1.7	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi công bố.	100% TTHC, danh mục TTHC được nhập, đăng tải công khai vào	Thường xuyên	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi công bố.			
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông				
3.2.1	Thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền của các cơ quan ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa các cấp	100% số TTHC theo danh mục quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 được thực hiện tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, Bộ phận Một cửa thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2022	Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện và UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
3.3	Kết quả giải quyết TTHC				
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận, giải quyết	Phấn đấu tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận được giải quyết đúng hạn bình quân toàn tỉnh, tối thiểu đạt từ 99,9% trở lên	Trong năm 2022	Các Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn do UBND cấp huyện tiếp nhận, giải quyết		Trong năm 2022	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn do UBND cấp xã tiếp nhận, giải quyết		Trong năm 2022	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện
3.3.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định	100% hồ sơ giải quyết quá hạn phải có văn bản xin lỗi của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời, đúng quy định.	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
3.4	Số hóa kết quả giải quyết TTHC	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (đối với thủ tục hành	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		chính tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh từ 01/6/2022; đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện từ 01/12/2022)			
IV. CẢI CÁCH TỔ CHỨC, BỘ MÁY					
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy				
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các CQCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	100% số CQCM cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	Thực hiện đúng quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và đảm bảo cơ cấu hợp lý (năm 2022, số lượng lãnh đạo phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý).	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập	Tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp của tỉnh so với thời điểm ngày 31/12/2021, tối thiểu đạt 2%.	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao				
4.2.1	Tỷ lệ giảm biên chế	Tỷ lệ giảm số lượng biên chế năm 2022 so với tổng số biên chế hành chính đến ngày 31/12/2021, tối thiểu đạt 2%	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý				
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Thực hiện đúng các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành,	Trong năm 2022	Các Sở Nội vụ; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế;	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		lĩnh vực và các quy định khác của các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước		Khoa học và Công nghệ; Lao động, Thương binh và Xã hội và các Sở ngành liên quan	
4.3.2	Thực hiện thanh tra và kiểm tra đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ	Trong năm 2022	Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% vấn đề qua thanh tra, kiểm tra thực hiện phân cấp được khắc phục và thể hiện rõ trong báo cáo kết quả	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
4.4	Nghiên cứu, đề xuất chuyển giao một số dịch vụ công mà nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho tổ chức ngoài nhà nước đảm nhận	Rà soát tham mưu UBND tỉnh quyết định	Trong năm 2022	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
4.5	Thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của UBND tỉnh; đảm bảo tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện; sắp xếp hợp lý khi kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh.	Nâng cao điểm số qua đánh giá của các đối tượng điều tra xã hội học	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
V. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC					
5.1	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức				
5.1.1	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Phần đầu năm 2022, không có CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		quản lý từ cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và trưng bày trở lên bị kỷ luật			
5.6	Hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022	31/12/2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
5.2	Cán bộ, công chức cấp xã				
5.2.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Sắp xếp, giải quyết theo quy định đối với những cán bộ cấp xã không đạt chuẩn; tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình	Trong năm 2022	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định			
5.3	Tăng cường kiểm tra, giám sát kịp thời ngăn chặn tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức và đảm bảo công khai minh bạch; ngăn chặn việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Nâng cao điểm số qua đánh giá của các đối tượng điều tra xã hội học	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
5.4	Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc	Nâng cao điểm số qua đánh giá của các đối tượng điều tra xã hội học	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ
VI. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách				
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	Phần đầu tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2022 tối thiểu đạt từ 95% trở lên.	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kho bạc Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định, không có sai phạm	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Tài chính
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	Phần đầu thực hiện tối thiểu từ 90% trở lên số tiền sau kiến nghị thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		tài chính, ngân sách được nộp ngân sách nhà nước theo quy định.			
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công				
6.2.1	Ban hành tiêu chuẩn, định mức (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) sử dụng xe ô tô chuyên dùng, Ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp và Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản.	Các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành, đảm bảo nội dung, quy trình và công khai theo quy định	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính
6.2.2	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Tối thiểu 80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ			
6.2.3	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)				
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	Phần đầu có từ 02 đơn vị SNCL được giao tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Phần đầu có từ 02 đơn vị SNCL được giao tự bảo đảm một phần kinh phí chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại) trở lên	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính
6.3.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp	Năm 2022, giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh so với năm thời điểm 31/12/2021.			
6.4	Đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí; hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập; hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	Nâng cao điểm số qua đánh giá của các đối tượng điều tra xã hội học	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tài chính
VII. HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH					
7.1	Tiếp tục phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số				
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Quyết định ban hành khung Kiến trúc Chính	Trong năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		quyền điện tử và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông			
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	100%/tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.3	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	- 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 30% trở lên.	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		- 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 60% trở lên.			
7.1.4	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	- 100% sở, ngành và tương đương đã kết nối. - 100% UBND cấp huyện đã kết nối. - 100% UBND cấp xã kết nối.	Trong năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
7.1.5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	Tối thiểu 80% dịch vụ công được tích hợp và cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Trong năm 2022	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	Văn phòng UBND

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
7.1.6	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và kết nối với hệ thống do Văn phòng Chính phủ triển khai.	Trong năm 2022	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.7	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ (Tối thiểu 30% trở lên báo	Trong năm 2022	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		cáo của UBND tỉnh theo quy định)			
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến				
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ trong năm	Toàn tỉnh đạt tối thiểu 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến	Toàn tỉnh đạt tối thiểu 55% hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC được công bố cung cấp	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)				
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	Bình quân toàn tỉnh đạt tối thiểu 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện qua dịch vụ BCCI	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
7.3.2	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	Bình quân toàn tỉnh đạt tối thiểu 10% hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh; Bưu điện tỉnh

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		năm của các TTHC được công bố thực hiện qua dịch vụ BCCI			
7.4	Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin theo quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định và đảm bảo sự thuận tiện trong khai thác, truy cập	100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện đúng quy định	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh
VIII. TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI					
8.1	Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2021				
8.1.1	Tiếp cận dịch vụ	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về kiểm soát TTHC, thực hiện cơ	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		ché một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất Bộ phận một cửa các cấp			
8.1.2	Thủ tục hành chính	Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện TTHC	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
8.1.3	Sự phục vụ của Công chức	Nâng cao năng lực của công chức; Cải thiện tinh thần phục vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức,	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
		viên chức đúng quy định văn hóa công vụ			
8.1.4	Kết quả giải quyết công việc	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; giảm thời gian đi lại của tổ chức, cá nhân	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
8.1.5	Giải quyết phản ánh, kiến nghị	100% các cơ quan kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị và công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đúng quy định	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Tổng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2022 cao hơn năm 2021	Trong năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh				
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Phấn đấu năm 2022, tăng tỷ lệ doanh nghiệp được thành lập mới cao hơn so với năm 2021 (tối thiểu từ 10% trở lên).	Trong năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp trong năm 2022 cao hơn so với năm 2021 (đạt trên 38% theo yêu cầu)	Trong năm 2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Phấn đấu năm 2022, vượt chỉ tiêu thu ngân sách được Chính phủ giao từ 4% trở lên	Trong năm 2022	Cục thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực, tiêu chí	Yêu cầu năm 2022	Thời gian muộn nhất phải hoàn thành	Phân công nhiệm vụ	
				Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	Phần đầu GRDP năm 2022 của tỉnh Thái Nguyên tăng cao hơn so với năm 2021	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Trong năm 2022	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư